

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

QUYỂN 14

Thiên thứ sáu: KÍNH PHẬT

NHÂN DUYÊN CẢM ỨNG (Tiếp theo)

1/ Chuyện kim tượng Văn-thù ở kinh đô nước Tống. 2/ Chuyện tượng đồng phát hiện dưới đất ở Đông dương đời Tống. 3/ Chuyện phát hiện kim tượng trong bến đời Tống. 4/ Chuyện kim tượng trong đầm Thượng minh ở Giang lăng đời Tống. 5/ Chuyện vẽ trên vách, xóa xong lại hiện ra tại Giang lăng đời Tống. 6/ Chuyện thẻ nguyện cùng kim tượng ở Chi giang thuộc Giang lăng đời Tống. 7/ Chuyện nhờ cảm ứng được gỗ ngô đồng làm vòng hào quang cho pho tượng ở Tương châu đời Tống. 8/ Chuyện tượng đá bị hỏa hoạn bưng đi hóa nhẹ ở Phiên ngưng đời Tề. 9/ Chuyện kim tượng đổ mồ hôi báo điềm ở Bành thành đời Tề. 10/ Chuyện kim tượng Quán Âm ở Dương đô đời Tề. 11// Chuyện chiêm-đàn của vua Ưu-điền ở Kinh châu đời Lương. 12/ Chuyện kim tượng ở chùa Quang trạch tại Dương đô đời Lương. 13/ Chuyện tượng bằng vàng và bạc lớn bằng người thật của Lương Cao tổ. 14/ Chuyện kinh Cao-Vương và kim tượng Quán Âm ở Định châu đời Nguyên Ngụy. 15/ Chuyện điện Trùng vân và tượng bay ra biển đời Trần. 16/ Chuyện tượng đá ở chùa Linh thạch tại Tấn châu đời Châu. 17/ Chuyện tượng bằng đá quặng ở Bắc sơn thuộc Nghi châu đời Châu. 18/ Chuyện tượng biết đi ở chùa Hoa Nghiêm tại Hiên sơn thuộc Tương châu đời Châu. 19/ Chuyện chùa Hưng hoàng ở Tương châu bị hỏa hoạn, tượng tự di chuyển. 20/ Chuyện tượng có hình ảnh biến hóa trong đá thạch anh ở chùa Nhật nghiêm tại kinh đô nhà Tùy. 21/ Chuyện tượng bốn mặt ở chùa Sa-hà tại Hình châu đời Tùy. 22/ Chuyện đức Phật Thích-ca mặc áo vải gai dày ở chùa Ngưng quán tại Ung châu đời Tùy. 23/ Chuyện tượng đá phát hiện ở Phương châu đời Đường. 24/ Chuyện hào quang của Phật tích chiếu rõ tại Giản châu đời Đường*. 25/ Chuyện trên núi ở Lương châu xuất hiện trụ đá có chữ Phật vào đời Đường. 26/ Chuyện

Phật tích xuất hiện trên đá tại chùa Tương tư ở Du châu đời Đường. 27/ Chuyện Phật tích ở chùa Linh khám tại Tuần châu đời Đường. 28/ Chuyện tượng đồng vàng cứu mạng Lý Đại An ở Ung châu đời Đường. 29/ Chuyện huyện Ngự dương ở U châu bị hỏa hoạn nhưng tượng không cháy vào đời Đường. 30/ Chuyện tượng lớn ở chùa Đồng tử tại Tinh châu phóng hào quang báo điềm lành vào đời Đường. 31/ Chuyện trộm tượng vàng ở chùa Thanh thiên tại Tây kinh vào đời Đường. 32/ Chuyện tượng biết đi ở Phủ châu và Đàm châu vào đời Đường. 33/ Chuyện kim tượng phát hiện trong đá ở Lam điền tại Ung châu đời Đường. 34/ Chuyện kim tượng phát hiện ở sông Lễ tại huyện Hộ thuộc Ung châu đời Đường. 35/ Chuyện tượng đá phóng hào quang chiếu sáng “hang động” trên núi ở Thấm châu vào đời Đường. 36/ Chuyện chùa Pháp tụ ở Ích châu vẽ tượng Bồ-tát Địa Tạng. 37/ Chuyện tượng vẽ phóng hào quang ở Kinh châu đời Đường. 38/ Chuyện tượng trên núi Ngũ đài thuộc Đại châu biến hóa nói năng vào đời Đường.

1. Năm Nguyên gia thứ hai đời Tống, Lưu Thức Chi đúc kim tượng Văn-thù, sớm chiều lễ bái, được một thời gian thì mất. Tiệc nấu cầu nguyện, sớm chiều không nguôi. Trải qua năm năm, vào lúc sắm tối, bỗng thấy trên bàn Phật phát hào quang chiếu lên nóc nhà. Nhân thế, Thức Chi thấp nhang, lau quét trần màn, liền phát hiện tượng ấy hãy còn rành rành.

2. Năm Nguyên gia thứ mười hai đời Tống, Lưu Nguyên Chi là người Trường Sơn ở Đông dương, gia đình làm nghề trồng đay. Thường đốt nền ruộng làm phân, có một chỗ cỏ không cháy. Nhiều lần đều như thế, lấy làm lạ, nên không khai phá nữa. Sau đó, thử đào nhẹ xuống thì bắt gặp một tượng Phật bằng đồng, cao chừng ba tấc. Rà xét lại, chỗ đất ấy xưa nay không hề có làng mạc. Chẳng biết gốc gác của tượng ấy từ đâu đến.

3. Năm Nguyên gia thứ mười bốn đời Tống, Tôn Ngạn Tăng, đời đời thờ Phật. Người thiếp tên Vương Tuệ Xưng quy y từ thuở nhỏ, trưởng thành càng thêm kính tin, thường tụng kinh Pháp Hoa. Chợt thấy dưới bển phát ra hào quang đủ màu, bèn sai người đào sâu xuống hai thước, bắt gặp một kim tượng, tính cả vòng hào quang và tòa sen cao hai thước một tấc. Trên tòa sen khắc rằng: “Kiến Vũ năm thứ sáu, canh tý, đạo nhân chùa quan là Tăng Hành, hiệu Pháp Tân đúc.”

4. Năm Nguyên gia thứ mười lăm đời Tống, La Thuận làm quan võ ở phủ Bình Tây, đóng quân tại Thượng minh. Vào tháng chạp, thả chim ưng mỗi vào sắn trong đầm hoang. Bọn bè đều thấy chim ưng và

trĩ cùng sa xuống. Bấy giờ, lửa nổi lên, thiêu cháy hết cỗ đồng, chỉ còn một khoảnh chừng ba trượng vuông không bắt lửa. Thấy chuyện lạ, bèn vạch cỏ tìm kiếm, bỗng phát hiện một pho kim tượng Bồ-tát ngồi, gộp cả vòng hào quang và tòa sen cao một thước kỹ thuật đúc chế hết sức tinh xảo. Bấy giờ, quan huyện Định tưởng cho là do bọn trộm cắp đem giấu, bèn thông báo khắp địa phương, nhưng không có ai bị mất. Vì thế, mới giữ lại để thờ phụng.

5. Đời Tống, Lâm xuyên Khang vương làm vệ quân, xây Tinh xá ba gian trong thành Kinh châu để thờ phụng kinh tượng. Trên tường, vẽ nhiều tranh Bồ-tát. Khi Hành dương Văn vương đến thay, phá bỏ Tinh xá làm phòng ngủ. Tô quét tất cả tranh trên tường. Vừa khô, các bức tranh lại hiện lên rõ ràng như cũ. Tô lại, cũng đều như thế. Vương vốn không có đức tin, cho là chuyện tình cờ, sai tô lại đậm hơn, nhưng các bức tranh vẫn hiện lên rành rành từng nét một. Chẳng bao lâu, vương lâm bệnh. Hễ nhắm mắt, liền thấy các hình tượng chi chít hiện đầy. Đến lúc đó mới chịu từ bỏ ý định phá hủy, không dám ở đó nữa và cho phép tiếp tục làm chỗ thờ phụng.

6. Giữa niên hiệu Tống Nguyên gia, em gái của Trương Tăng Định, người Chi giang thuộc Giang lăng, tuổi nhỏ nhưng đã tôn sùng Phật pháp, nuôi chí xuất gia. Thường thờ phụng pho kim tượng nhỏ, chọn làm của báu về sau. Cha mẹ ép gả chồng, cô kiên quyết không chịu. Cha mẹ lén hứa với nhà họ Bình. Mới đầu, cô không hay biết. Đến khi nhà trai đem sính lễ đến, cô kêu khóc, không chịu về nhà chồng, thấp nhang nằm li dưới đất chờ chết. Pho tượng ấy bỗng phóng hào quang vàng sáng, rực khắp cả làng. Cha mẹ hoảng sợ trước điềm linh ứng nên đình lại, không gả nữa. Vì thế, hai họ Trương Bình hết sức kính tin Tam bảo. Tăng Định liền cho em gái xuất gia. Khi thừa tướng nhà Tống là Nam quận vương đến trấn thủ đất Thiểm, cho xây cất Tinh xá trên nhà cũ của cô.

7. Giữa niên hiệu Thái Thủy đời Tống, Hà Kính Thúc ở Đông hải, tuổi nhỏ đã sớm tôn kính Phật pháp. Theo thứ sử Tương Châu Lưu Uẩn làm huyện lệnh, gặp được cây trầm hương, tạc thành pho tượng, xong rồi nhưng chưa có vòng hào quang. Sốt sắng tìm mãi, vẫn không gặp được. dựa ghế thiu thiu như ngủ, gặp vị Sa-môn mặc pháp phục, chống tích tượng đi đến bảo: “Trầm hương quý hiếm khó gặp, các cây tạp thứ thô khó đẽo. Chỉ có cây ngô đồng của nhà họ Hà ở phía sau huyện lỵ có thể làm nên. Họ dù tiếc của, nan nỉ hoài cũng sẽ bằng lòng!” Tỉnh dậy, hỏi người hầu, quả đúng như lời Sa-môn chỉ bảo. Do đó, tìm đến

hỏi mua. Họ Hà nói: “Có cây ngô đồng rất thích. Sợ người xin mất nên giấu giếm chưa nói cho ai hay. Tại sao quan huyện biết rõ đi đến hỏi mua?” Kính Thúc kể lại nhân duyên. Họ Hà kính mộ, xin dâng tặng để chế vòng hào quang. Sau đó, Kính Thúc lên phủ trực, nửa đêm mơ thấy tượng bảo rằng: “Chuột cắn chân ta!” Sáng mai vội quay về xem lại tượng, quả đúng như thế.

8. Giữa niên hiệu Kiến nguyên đời Tề, Tinh xá Tỳ-da-ly ở Phiên Ngung từ lâu đã có pho tượng đa của nước Phù Nam. Chẳng ai biết được gốc gác. Hình dáng hết sức dị kỳ. Bảy tám chục người mới có thể khiêng đi nổi. Chùa ấy bằng tranh, gặp lửa lan đến, lại ở dưới gió, bốc cháy đỏ phừng. Ni chúng hơn 10 người hốt hoảng nhìn nhau, chẳng biết làm sao. Trong đó, có vị không chịu bó tay, thử cùng ba, bốn tử muội bưng tượng lên. Lại thay, cất lên thật nhẹ nhàng, không nặng bằng một tạ! Khi tượng được dời đi, chùa cũng cháy hết. Mỗi khi có chuyện đáng mừng, tượng phóng hào quang chiếu diệu. Mỗi khi có việc binh đao cướp phá, tượng lại đổ lệt, toát mồ hôi ướt đẫm thân mình. Xứ Lĩnh nam xem đó để đoán trước điềm tốt xấu. Về sau, thứ sử Quảng châu là Lưu Thuần dâng biểu xin rước về kinh đô. Hiện nay, tượng có thể ở trong chùa cổ Tường châu.

9. Đời Tống, thứ sử Từ châu là Vương Trọng Đức đúc pho kim tượng cao một trượng tám thước ở chùa Tống vương tại Bành thành. Sắc tướng đẹp đẽ trang nghiêm. Đây là một tuyệt tác về đúc chế ở vùng Giang Tây. Mỗi lần phương Bắc nổi binh hay đày đọa Tăng đồ, tượng liền đổ mồ hôi, nhiều ít tùy theo họa hoạn lớn nhỏ. Có thể đoán biết trước được. Người trong quận thường theo đó dự đoán thời cuộc. Đầu niên hiệu Kiên Sơ, tượng lại đổ mồ hôi. Mùa Đông năm ấy, quân Bắc Ngụy đánh phá vùng Hoài thượng. Đương thời, mấy quận ở Duyên châu nổi lên theo phe phương Nam, tụ tập rất đông, đồng thời cũng ép buộc các Sa-môn phải tham gia chiến dịch. Khi quân Ngụy thắng, san bằng đồn lũy, có ý muốn tiêu diệt tất cả, bèn làm biểu tâu lên, vu cáo Tăng đồ hòa theo loạn đảng, sửa soạn đem ra xử chém. Bấy giờ, tượng đổ mồ hôi đầm đìa, ướt cả nền điện. Thứ sử Từ châu là Ngụy Lương vương giữ gìn phép nước rất nghiêm, thân hành đến chùa, sai người lấy khăn vải lau khô. Vừa lau xong lại đổ ra không dứt. Đến nổi mấy chục người cùng liên tay lau cũng không hết nổi. Vương phải thấp nhang lễ bái, cầm khăn khẩn rằng: “Chư Tăng vô tội, đệ tử xin thề sẽ đem thân ra bảo vệ khỏi vòng tai họa. Nếu linh thiêng chứng giám cho tấm lòng thành, đệ tử lau xong, sẽ không đổ ra nữa!” Khẩn xong, vương tự tay lau

lấy. Quả thật, vương vừa lau xong, tượng lập tức khô ráo. Vương thảo biểu dâng lên, bẩm báo đầy đủ mọi chuyện. Vua Ngụy hạ chiếu tha tội cho tất cả chư Tăng.

10. Đầu niên hiệu Kiến nguyên đời Nam Tề, Vương Diễm, người Thái nguyên, từ nhỏ đã thọ ngũ giới với Thiên sư Pháp Hiền tại Giao chỉ. Được Tăng cho tượng Quán Âm đem về thờ phụng, liền mang đến Dương đô, gửi vào chùa Nam giản. Diễm ngủ trưa, mơ thấy tượng đứng bên cạnh chỗ ngồi, lòng rất lấy làm lạ, liền rước tượng về. Đêm ấy, chùa Nam giản mất hơn mười pho tượng, bị đánh cắp đem đúc tiền. Vào đêm Thu năm Đại minh thứ bảy đời Tống (463), tượng phóng hào quang chiếu diệu khoảng ba thước, sắc vàng óng ánh lóa mắt. Cả nhà đều chứng kiến. Sau lại đem tượng gửi vào chùa Đa bảo. Diễm sang vùng Kinh Sở gần mười năm, không nhớ nơi để tượng. Đến khi về lại Dương đô, mơ thấy tượng ở giữa các pho tượng nhỏ tại phía Đông đại điện. Sáng mai lên chùa, tìm theo giấc mơ thì gặp lại tượng. Bấy giờ, nhằm ngày mười ba tháng bảy năm Kiến nguyên thứ nhất (479). Vì thế, Diễm làm bài tự sách Minh-tường-ký, nói rằng:

“Ta thường thờ phụng pho tượng này, nguyện xin mãi mãi làm người cứu độ. Nhắc lại câu chuyện về pho tượng, lòng nôn nao xúc động dạt dào. Bèn nương theo tình tiết, viết nên bộ ký này. Than ôi! Xem lại tình cảnh gần đây, chẳng có gì hơn hình tượng. Điềm linh ứng hiện, đa số từ đó phát sinh. Kinh nói: “Nếu đúc tạc vẽ tô thật giống sắc tượng, sẽ biến hóa và phóng hào quang.” Hai pho tượng Thích-ca và Di-lặc kiểu Tây vực nay sáng láng như thật, vì đúng với chân tướng đó chăng? Các Thánh tượng to lớn ở Trung Quốc hiện nay linh nghiệm rất nhiều, cũng do chúng sinh thời ấy gom hết thành tâm gửi vào gỗ đá nên mới hiển dị. Chẳng phải do tượng hảo quang minh mà trở nên như thế. Bởi vậy, tượng đá nặng nổi phều, cốt để giáo hóa đất Mân Ngô thêm rộng rãi; kim thân xưa đẫm lệ, cốt để nhà Lưu Tông chậm chịu tai ương. Các pho tượng khác, thị hiện nhiều cách, tuy khó nói cùng, nhưng xét đại khái, cũng đều đưa về chỗ kính tín. Còn như kinh tháp linh thiêng, ý chỉ cùng giống, tình tiết chẳng khác, nên được xếp vào cuối sách.”

11. Ngày mồng tám tháng giêng năm Thiên giám nguyên niên (502) Lương Vũ đế mơ thấy tượng Phật bằng chiên-đàn giáng hạ trong nước, liền ban chiếu mộ người đi nghinh đón. Theo Phật-du-Thiên-Trúc-ký và kinh Song-quyển-Uu-điền-vương nói rằng: “Đức Phật lên Thiên Cung Đạo-lợi thuyết pháp cho mẫu hậu suốt mùa hạ. Phụ hoàng và quần thần thương nhớ, bỗng được gặp mặt. Quốc vương Ưu-điền

bền sai ba mươi hai họa sư mang gỗ chiên-đàn, nhờ Đại Mục-kiền-liên dùng thần lực đưa lên vẽ tượng đức Phật mỹ mãn như nguyện rồi mang về. Tượng ngồi, cao năm thước, hiện còn thờ phụng tại Tinh xá Kỳ-hoàn.” Vũ đế muốn thỉnh tượng này. Bấy giờ, Quyết thắng tướng quân Hách Khiên, Tạ văn Hoa và tùy tùng tám mươi người vâng mệnh đi thỉnh, dâng tờ trạng cầu xin. Vua Xá-vệ phán rằng: “tượng chỉ ngự ở nước trung ương, không thể ở nước bên cạnh.” Rồi sai ba mươi hai họa sư khắc lại trên gỗ tử đàn. Mỗi người một bức, bình minh ra tay, đến trưa thì hoàn thành. Tượng hảo viên mãn, đỉnh đầu phóng hào quang. Trời đổ mưa hoa và hương thơm thoang thoảng. Vì thế, kinh Ưu-điền-vương có nói: “Chân thân đã khuất, đến lượt tượng thứ hai xuất hiện, làm nhiều lợi ích cho tất cả chúng sinh.” Chính là tượng này vậy. Đoàn của Hách Khiên mang pho tượng đi mấy vạn dặm, trải đủ gian lao không thể tả nổi. Lại vượt biển cả, xông pha sóng gió, trôi nổi đến chỗ núi non, lương thực hết sạch. Đám thuộc hạ và liên lạc chết chóc rất nhiều. Bỗng đâu gặp bầy thú dữ, chỉ còn biết chuyên tâm niệm Phật. Nghe có tiếng áo giáp mũ trụ leng keng khua vang sau tượng, lại có tiếng chuông động liên hồi. Một vị Sa-môn ngồi uy nghiêm dưới bóng cây bên động. Hách Khiên đỡ pho tượng xuống, đặt trước mặt ngài. Vị Sa-môn đứng lên chiêm bái tượng. Đoàn Hách Khiên phủ phục hành lễ. Ngài trao cho bình nước, bảo uống đi. Lập tức tiêu tan đói khát. Ngài dạy: “Tượng này tên là Tam-miêu-Tam-Phật-đà. Có Kim-tỳ-la-vương hộ vệ sang bên ấy làm nhiều Phật sự lớn lao.” Nói xong, liền biến mất. Đêm ấy, cả đoàn đều mơ thấy vị thần hộ pháp. Sáng mai, cùng xúm nhau vẽ lại hình tượng. Ngày mồng năm tháng Tư năm Thiên giám thứ mười (511), đoàn về đến Dương đô. Nhà vua và quần thần thân hành đi bộ ra ngoài kinh thành bốn mươi dặm, cung nghinh linh tượng về điện Thừa cực. Lập trai đàn cứu độ, đại xá, không sát sinh. Tất cả cung đao giáo mác đều đem nấu làm nóc tháp Liên hoa. Từ đó, nhà vua ăn chay, diệt dục. Đến tháng năm năm Thái thanh thứ ba (549) thì băng hà. Tương Đông vương lên nối ngôi ở Giang lăng, lấy hiệu là Nguyên đế Thừa Thánh, sai người rước tượng từ Dương đô về thờ phụng trong điện Thừa quang tại kinh đô. Vào năm Đại định thứ tám* (561) đời Hậu Lương, nhà vua lập chùa Đại Minh tại Tịnh lăng ở phía Bắc kinh thành và cho rước tượng về đây. Hiện nay vẫn còn. Có nhiều bức được vẽ lại lưu hành khắp nước.

12. Đầu niên hiệu Thiên giám, Lương Vũ đế xây chùa Quang trạch trên phủ cũ và đúc pho kim tượng cao một trượng tám. Làm khuôn xong, hoàn hảo từng ly tấc. Khi sắp đúc, sợ đồng không đủ số, sửa soạn dâng

sớ xin thêm. Bổng sứ giả chở đến mười lăm xe đồng, bảo rằng: “Phụng sắc đem giao cho nhà chùa.” Lập tức nấu đồng đổ vào khuôn thì thành kiệt tác đứng đầu cả nước. Thấy tượng hơi cao lớn, thử đo lại, đến hai trượng hai thước. Bèn làm tờ tâu lên rằng tượng đã đúc xong, đúng với mô hình. Lượng đồng ban thêm cũng đều dùng hết. Đo lại kích cỡ, Tăng thêm bốn thước. Nhà vua ban sắc: “Nếu không đưa đồng thêm, sao được như thế. Phải chăng nhờ chân thân cảm cách, nên mới thị hiện thần uy? Hãy khắc rõ vào tòa sen để ghi lại linh tích.” Nhà chùa dâng sớ xin vâng mệnh và đem khắc dưới đế tượng. Đến nay hãy còn.

13. Sau khi lên ngôi, Lương Vũ đế sùng mộ Phật giáo, phế bỏ Lão giáo. Thường rước cao Tăng vào cung bàn luận diệu lý, đúc hai pho tượng bằng vàng và bạc lớn bằng người thật tôn trí ở điện Trùng vân. Sớm chiều thân hành lễ bái, đêm ngày công phu tinh tiến suốt năm mươi năm. Nhà vua đi lại, không kể nắng mưa, dấu mười ngón chân in rõ lên đá trên nền điện. Khi Hầu Cảnh đoạt ngôi, cũng tiếp tục thờ phụng. Thái úy Vương Tăng Biện giết Hầu Cảnh. Nguyên đế bị vây ở Giang lăng. Đất Giang nam trở thành vô chủ. Rồi Tăng Biện ngoại giao với Tề, rước Trinh Dương hầu Tiêu Uyên Minh lên ngôi. Bấy giờ, đất Giang đông chưa yên mấy, Tăng Biện sai rể là Đỗ Khám cai quản cấm cung. Khám bản tính tham tàn, muốn nấu hai pho linh tượng thành thoi. Trước tiên, sai mấy chục tay chân lên gác Tam hưu toan đục cổ tượng. Dùi đục vừa giơ, bất ngờ hai pho tượng quay đầu lại trừng mắt nhìn. Bọn thuộc hạ kinh hoảng, rụng rời tay chân, đứng không vững chỗ, ầm ồ như ngậy! Đỗ Khám cũng thế. Một hồi lâu mới tỉnh lại, bị roi đánh sưng vù, mình mẩy xanh tím. Chỉ thấy lực sĩ Kim Cương uy nghi đáng sợ, cùng xông lên đánh. Bọn chúng đau đớn kêu la, thân thể nát tan, máu me chảy đầy, lủng da lòi xương mà chết. Chuyện này xảy ra gần đây, trong Đạo ngoài đời đều biết.

14. Giữa niên hiệu Thiên bình đời Bắc Ngụy, tráng sĩ Tôn Kính Đức, người Định châu, đi trấn thủ biên thùy miền Bắc, có đúc một kim tượng Quán Âm. Mãn hạn, mang theo về nhà, hằng ngày kính lễ. Sau đó, bọn cướp vu oan là đồng đảng, bị bỏ vào ngục ở kinh đô. Không chịu nổi tra khảo, đành nhận tội bừa và bị kết án xử trảm, sáng mai sẽ thi hành. Đêm ấy, Kính Đức lễ bái sám hối, nước mắt như mưa bạch rằng: “Kiếp này chịu tội oan, do kiếp trước đã ép người oan ức. Nguyện trả nợ xong, thề không tái phạm nữa!” Rồi phát thêm nhiều lời đại nguyện. Giấy lát, mơ màng như mộng, thấy một vị Sa-môn bảo tụng kinh Quán-Thế-Âm-cứu-sinh và niệm một nghìn biến danh hiệu đức Phật trong

kinh ấy thì sẽ được cứu thoát. Kính Đức tỉnh dậy ngồi tụng, không hề sai vấp. Đến bình minh, chỉ được một trăm biến. Đội thi hành án đến trời giải ra chợ, Kính Đức vừa đi vừa tụng. Kịp khi sắp hành hình, vừa đủ một ngàn biến. Dao vừa hạ xuống, chưa chạm đến da thịt, liền gãy làm ba đoạn. Thay dao khác, chém cũng gãy. Đến lượt thứ ba, cũng y như thế. Quan giám trảm vô cùng kinh dị, làm tờ tâu lên. Thừa tướng Cao Hoan dâng biểu xin giúp, được nhà vua tha tội chết và ban sắc sao lại kinh ấy đem lưu hành. Ấy là kinh Cao-vương-Quán-Thế-Âm. Kính Đức được thả về, lập trai đàn cảm tạ. Dem tượng ra xem, thấy trên cổ có 3 vết chém. Cả làng cùng kéo đến chiêm bái và ca tụng uy linh. (Những chuyện trên đây được rút từ Tề-chí và Tinh-dị-ký)

15. Trần Vũ đế băng hà, con của anh tên Thiến lên ngôi. Thiến muốn lo liệu tang lễ, chế tạo xe êm, nhưng vận nước mới yên, chưa thể tổ chức linh đình. Nhớ thuở trước Lương Vũ đế cất điện Trùng vân, trong đó kinh tượng đều trang sức toàn châu báu lộng lẫy đứng đầu các nước. Ngôi vua tuy đã thuộc nhà Trần, nhưng cung điện nhà Lương vẫn còn uy nghi như cũ. Thiến muốn lấy các màn trướng quý giá trong điện làm đồ tống táng. Nhân lực tụ tập hùng hậu, từ bốn phía đồng loạt xông lên. Chỉ thấy mây che kín điện Phật, mọi chỗ khác đều sáng trưng. Dân chúng lấy làm lạ, kéo nhau đi xem. Giây lát, mưa giông đổ xuống, sấm sét nổ rền. Chớp giăng khói tỏa, khắp cả thấp cao. Bỗng thấy điện Trùng vân, hai pho tượng, tứ bộ long thần và bảo tọa nhất tề bay lên. Khói lửa bốc theo, càng lúc càng xa. Cả nước cùng đổ ra xem, đều dốc lòng kính tín. Cơn mưa vừa tạnh, nhìn lại chỗ cũ, chỉ thấy còn trơ nền không. Hơn một tháng sau, có người từ Dương châu đi đến, bảo rằng: “Vào hôm ấy, thấy điện và tượng cùng bay ra biển.” Đến nay, thỉnh thoảng có người nhìn ra biển còn thấy. Lại nữa, tháp chùa Vĩnh ninh đời Ngụy cao đến nghìn thước, do Trời lay động, tượng Phật ở đây cũng bay đi như thế. Có người đôi khi cũng thấy tung tích ngoài biển Đông hải.

16. Cuối đời Bắc Tề, Sa-môn Tăng Hộ ở chùa Linh thạch tại Tấn châu, ngay thẳng giữ đạo, không ham trí tuệ. Phát nguyện tạo một pho tượng đá cao một trượng tám thước. Chư Tăng đều trách ngài nói viễn vông. Sau đó, trong hang núi về phía Bắc chùa có một khối đá nằm, dài khoảng một trượng tám. Ngài bèn thuê thợ đến tạc, gần trọn một năm, nhưng mặt và bụng vẫn còn thô tháp, lưng còn nằm đụng trên đất. Dùng đồ xeo nạy, không hề nhúc nhích. Ban đêm tự nhiên lật dậy. Sáng mai thấy thế, mọi người vui mừng, ra tay đẽo tạc và rước vào điện Phật. Ngày Tấn châu bị vây hãm, tượng đổ mồ hôi đầy nền. Khi quân nhà

Châu xâm lăng, ra tay thiêu hủy chùa tháp trước tiên, tượng bị đốt cháy, nhưng không biến màu, chỉ bị tổn thương 2 ngón tay. Sau đó, giặc muốn kéo đổ, dùng sức 60 người và trâu, cũng chẳng thành công. Bỗng có vị Tăng xa lạ, không ai quen biết, lấy ngói, gỗ chất đầy chung quanh, nhấp nháy đã xong rồi biến mất. Sau đó, tượng giáng mộng bảo tín đồ rằng: “Ta đau ngón tay.” Người ấy biết được, mới đến sửa lại. Nhà Tùy nổi vận, cho truyền Đạo như xưa. Năm Khai hoàng thứ mười lăm, có tên trộm lấy mất tràng phan bảo cái. Tượng giáng mộng thành người cao một trượng tám đến nhà trách cứ. Tên trộm xấu hổ sợ sệt đem trả lại. Tượng đến nay vẫn còn.

17. Năm Kiến Đức thứ ba (574), Châu Vũ đế đổ kị Phật pháp, quyết tâm tiêu diệt. Thiên hạ tối tăm. Có Khương Minh ở Nghi châu, đêm đi tuần tra trong núi cách phía Bắc châu hơn một trăm dặm, thấy trên núi thỉnh thoảng phát sáng. Lấy làm lạ, liền lên tận nơi xem xét. Gặp một tảng đá nằm, hình dáng như pho tượng, bèn đi vào tìm kiếm. Chỉ là một khối quặng sắt, không thể đục chạm, nên mới có hình dáng thô tháp, cao chừng 3 trượng. Dù muốn mài bóng, cũng không thể được. Tìm dần xuống đất, gặp một tòa sen đá, có lỗ mộng đầy đủ. Hiếp sức cùng người làng dùng đòn bẩy lên, tượng bỗng nhiên lẳng xuống, lọt đúng vào tòa sen. Mọi người cho là điềm lạ kỳ, dâng biểu tâu lên. Bấy giờ, theo Trời nổi vận, Phật pháp sắp hưng, Tịnh đế lên ngôi, đổi thành Đại tượng nguyên niên (579) và cất chùa Đại tượng ở đó. Nhà Tùy dựng nghiệp, sửa lại chùa xưa, gọi là chùa Hiển từ. Truy tìm chỗ ấy, không phải xóm làng, lại không có đá lớn và quặng sắt. Phải chăng do thần lực của vua A-dục mà đáng hiện? Đời Đường noi theo không đổi. Cuối niên hiệu Trinh quan, cất cung ở phía Tây chùa, gọi là Ngọc hoa. Tượng vẫn tôn trí ở chỗ cũ trong ngự uyển, cách cung ba mươi dặm về phía Đông. Vua Thái tông Thường hay đến chiêm bái, cho là chưa đẹp, liền bỏ tiền của trang hoàng lại. Giữa niên hiệu Vĩnh huy, đổi cung làm chùa, gọi là chùa Ngọc hoa. Nay thuộc về Phương châu. Mỗi khi tối trăng, thường phát hào quang. Mọi người thường thấy nên cũng chẳng lấy làm lạ.

18. Tượng đổ nước mũi ở chùa Hoa nghiêm tại Hiện sơn thuộc Tương châu. Pho tượng này bằng gỗ, xưa nay chẳng ai rõ gốc gác, nhưng đầu và mặt tuyệt đẹp, cứ thích chiêm ngưỡng hoài không thôi. Cao chừng năm trượng, linh hiển đã lâu. Khi nhà Bắc châu tiêu diệt Phật giáo, người ta lấy đầu tượng lén đem cất giấu. Đến niên hiệu Khai hoàng nhà Tùy (581), lại lấy ra trang hoàng thành pho tượng ngồi, gọi

là đức Phật Lô-xá-na. Hằng năm dân chúng đến cầu phúc, xem như biểu tượng kính tín của mọi người. Tùy Văn đế sắp băng hà, mũi tượng chảy nước, thấm ướt khắp ngực, làm bong lớp vàng thếp. Nước mũi óng ánh có hào quang. Lau xem trong veo không bọt. Tháng Tư năm Trinh quan thứ hai mươi ba (649), nước mũi chảy không ngừng, thấm ướt khắp ngực, vuông vức một thước. Thoạt tiên, chẳng ai hiểu chuyện gì. Đến lúc vua Thái tông băng hà, mới biết là tượng báo điềm. Vào tháng sáu năm ấy, tượng lại đổ nước mũi. Toàn châu đều lo sợ, không biết sẽ xảy ra tai họa gì. Qua tháng bảy, sông Hán dâng nước lớn, tràn ngập thành quách, sâu hơn một trượng, người chết rất nhiều. Tượng hiện vẫn ở chùa cũ. Tín đồ đến cầu đảo rất đông. Đất Tương dương có kẻ hiếm muộn con cái thường đến vái xin, trai gái đều được linh nghiệm.

19. Chuyện tượng biết đi. Giữa niên hiệu Khai hoàng đời Tùy, điện Phật chùa Hưng hoàng ở Tương châu bị cháy. Pho tượng bằng đồng vàng lớn và hai tượng Bồ-tát cao một trượng sáu thước do Đái Ngung đúc, đang ở dưới nóc điện. Bấy giờ, thế lửa quá mạnh, đại chúng đành bó tay than vãn, sợ tượng sẽ cháy tiêu. Bỗng tượng đứng lên, bước tới một bước về phía Nam, vừa lúc nóc điện đổ ập xuống. Nhờ thế, tượng được toàn vẹn. Bốn bề gạch gỗ tro than đều cách tượng một khoảng chừng năm, sáu thước. Tuy bị lửa hun, nhưng sắc vàng không đổi. Đại chúng đều sửng sờ kinh hãi, reo hò ca tụng đầy đường. Nay tượng dời về chùa Bạch mã. Chim chóc không bay đến đậu lên. Nam Vĩnh huy thứ hai (651), bọn trộm muốn kiếm đồng, đã cửa đứt song cửa, mưu toan kéo tượng đi, liền bị kẹp cứng tay, không thể rút ra được. Đến sáng, chư Tăng cật vấn, trả lời rằng: “Có một người mặc áo trắng đứng trong điện nắm chặt tay lại, nên không thể rút ra được!”

20. Tượng có hình ảnh hiện ra trong đá tại chùa Nhật nghiêm ở kinh đô đời nhà Tùy. Tượng ấy có hình bát giác, bằng đá thạch anh, cao tám tấc, lớn năm tấc, trong suốt, nhìn thấu hai bên. Ngày xưa, giữa niên hiệu Thái thanh đời Lương Vũ đế (547-548), có nhà sư mang từ Tây Vực sang, gặp loạn Hầu Cảnh, bèn cất trên đầu pho tượng ở chùa Tây lâm tại Lô sơn thuộc Giang châu. Năm Khai hoàng thứ mười đời Tùy (590), Dạng đế trấn thủ vùng Dương Việt, ra tay sưu tầm báu vật. Phàm các văn ký vùng Giang nam đều bị thu tóm. Trong tạp ký, tình cờ thấy bút lục ghi chép về tượng có ảnh này, bèn sai kẻ thân tín Vương Diên Thọ đến chùa sưu tầm về. Từ khi trở thành trọng thần của nhà Tấn, mỗi lần đi xa, Dạng đế thường dựng tượng vào hộp sơn đen, sai người cưỡi ngựa bưng đi phía trước. Sau khi lên ngôi thái tử, bèn tôn

trí vào chùa Nhật nghiêm, dẫn dò giám tự xem xong, khóa kỹ, không cho người khác thấy. Chùa do nhà vua dựng nên. Cuối niên hiệu Đại nghiệp, thiên hạ náo động. Tăng chúng ở kinh đô thường đến chiêm bái. Cũng có vị ở trong chùa, nhưng chưa kính tín, cho rằng vì thấy ánh sáng lấp lánh trong đá, ngỡ là hình tượng đức Phật, nên đồn đãi thanh danh! Lời chư Tăng kể lại tuy chẳng giống nhau, nhưng đều bảo rằng đã thấy diện mục sắc tướng hiển hiện rành rành, không chút tăm tối. Nếu nhìn không thấy, lại trai giới sám hối bảy ngày, sau đó nhìn vào, sẽ thấy bảo tháp bằng bạc. Nhìn nữa, thấy có tượng Phật bằng bạc. Đạo đời cùng nhìn, sẽ thấy khác nhau. Hoặc thấy tháp Phật, Bồ-tát, hoặc thấy Tăng chúng ngồi đầy. Hoặc thấy tràng phan bảo cái, hoặc thấy bát bộ Thiên long. Hoặc thấy cảnh khổ ở ba Đường, hoặc thấy bảy 7 kiếp sinh diệt. Cảnh tượng nhìn thấy, hoặc cố định hoặc biến hóa vô thường. Tuy thiện ác cùng hiện nhưng thiện tướng chiếm nhiều. Thế nên, những kẻ đến cầu xem, đều có phát nguyện từ trước. Đầu thai loài nào, vãng sinh chỗ nào, y nguyện đều thấy hiện rõ. Thật là kính báu soi rọi nghiệp quả ở chốn u minh vậy. Tháng bảy năm Trinh quan thứ sáu (632), nhà vua ban sắc rước vào đại nội để thờ phụng.

21. Tượng Phật bốn mặt ở chùa tại huyện Sa-hà thuộc Hình châu. Đời Tùy Văn đế, có người lên núi gặp vị Tăng giữ tượng Phật bằng đồng, cao hơn ba thước, bèn xin thỉnh về. Vị Tăng bằng lòng rồi biến mất. Các nơi nghe đồn, tranh nhau đến lôi kéo nhưng tượng không chút nhúc nhích giở lên. Chỉ vị Tăng ở chùa Sa-hà đưa tay ra dắt, liền theo về chùa! Người đời sau nhặt được một thỏi vàng bên cạnh chùa, trên có hình hai con quạ, khắc rằng: “Dùng để mạ tượng Phật bốn mặt.” Bèn đem mạ tượng. Trên thân tượng toàn là hình quạ. Sau đó, bỗng đứng tượng biến mất. Trong khúc suối quanh co bên chùa thường phát hào quang. Dò theo tìm thì gặp lại tượng! Tùy Hậu chủ nghe tiếng, sai thợ đúc mô phỏng chế tạo pho khác, nhưng vội quá không thành. Phải mất ròng rã hơn hai trăm ngày mới xong, tuy nhiên vẫn chưa hoàn mỹ, bèn ra lệnh đình chỉ.

22. Năm Khai hoàng thứ ba đời Tùy, Sa-môn Pháp Khánh đúc pho tượng đức Phật Thích-ca mặc áo gai dày, cao một trượng sáu thước, ở chùa Ngưng quán. Phật sự chưa thành, Sa-môn đã viên tịch. Hôm ấy, ở chùa Bảo xương, Sa-môn Đại Trí cũng viên tịch. Ba ngày sau bỗng sống lại, kể với Tăng chúng trong chùa rằng: “Ta thấy Sa-môn Pháp Khánh đứng trước mặt vua Diêm La, đây về âu sầu. Một lát, thấy tượng đi đến, nhà vua vội rời ngai, chấp tay hành lễ. Tượng bảo: “Pháp Khánh tạo ta

đến nay vẫn chưa xong, tại sao lại bắt chết?” Nhà vua quay lại gọi một người, hỏi rằng: “Pháp Khánh đúng số chết chưa?” Người ấy bẩm: “Số chưa đáng chế, nhưng lương thực đã hết.” Nhà vua phán: “Nên cho ăn lá sen để hưởng hết phước báo.” Thấp thoáng, ta không thấy Sa-môn Pháp Khánh nữa.” Kể xong, Sa-môn cho người sang chùa Ngưng quán dò la. Một lúc, liền thấy Sa-môn Pháp Khánh sống lại và thuật chuyện y như Sa-môn Đại Trí vừa kể. Từ đó, Sa-môn Pháp Khánh thường ăn lá sen, cho là ngon lắm. Ăn phải thứ khác thì nuốt không trôi. Tượng hoàn thành, Sa-môn sống thêm mấy năm mới viên tịch. Nghi dung tượng ấy thật đầy đặn và hay phóng hào quang. Chùa cũ tuy đã đổ nát, nhưng tượng vẫn còn đến nay.

23. Giữa niên hiệu Vũ đức đời Đường (618-625), tại sông Từ ô phía Tây nam Phương châu có Hách Tích, vốn mộ đạo, thấy trên núi có chỗ bầy nai thường bỏ đi rồi lại trở về tụ tập nghỉ ngơi. Lấy làm lạ, Hách Tích đào thử lên xem, bắt gặp một pho tượng đá cao chừng một trượng bốn thước, liền chuyển về làng ở sông Từ ô, đến nay vẫn còn. Từ khi lấy tượng, bầy nai bèn bỏ đi chỗ khác. Các bậc kỳ lão kể rằng: “Vào thời đức Phật Ca-diếp, có bốn mươi pho tượng được đem chôn. Nay đã phát hiện hai pho. Số còn lại vẫn trên núi. Hình dáng cũng giống như pho tượng bằng quặng sắt ở phía Đông cung Ngọc hoa, không thể sơn phết châu sa được.”

24. Tháng chín năm Trinh quan thứ mười bảy đời Đường, đô đốc Lương châu Lý Tập Dự, nhân đi thị sát địa phương, đến địa giới huyện Xương tuyền thuộc phía Đông nam Lương châu, gặp một trụ bia gồm có một trăm mười chữ chép tên của bảy vị Phật và tám vị Bồ-tát tạo phước lớn chứng được thượng quả. Đô đốc vội làm tờ tâu lên. Nhà vua ban sắc sai xác minh lại, quả đúng với lời tâu, bèn sai nội thân giáng chiếu miễn dao dịch một năm và tha cho kẻ có tội ở Lương châu.

25. Đời Đường, chùa Tương tư ở cách Du châu một trăm dặm về phía Tây. Trên núi đá tại phía Bắc chùa có mười hai Phật tích, đều dài chừng ba thước, rộng một thước một, sâu chín tấc, trong chạm hình vảy cá, nằm cách điện Phật chừng mười bước về phía Bắc, được chư Tăng gìn giữ. Đến tháng mười năm Trinh quan thứ hai mươi, giữa dòng suối bên chùa tự nhiên mọc lên hoa sen màu hồng, có đủ đài và nhụy, lớn bằng gương mặt ba thước. Vớt lên, rưng rưng như đổ lệ, thả xuống lại nở ra thành hoa. Ghe thuyền qua lại đều trầm trồ. Suốt một tháng liền không tàn. Chùa Tương Tư nhờ thế, trở lên nổi tiếng. Có người nói rằng ở Phù châu cũng có chùa này. Chùa vốn nghèo nàn, nhờ chuyện ấy,

được cúng dường nhiều, trở thành giàu có đến nay. Thuở xưa, dưới đời Tề, Giếng Thiên tử ở phía Đông Kinh Châu có gắm nổi lên. Bấy giờ, trai gái đua nhau lấy dùng, giống như gắm thật không khác. Suốt tháng mới hết. Thế nên, các vật lạ xuất hiện, cũng chẳng có gì đáng lấy làm lạ. (Các sách Tề-xuân-thu của Ngô Quân và Kinh-Nam-chí của Tiêu Thành, đều chép những chuyện này).

26. Chuyện mười ba Phật tích trên đá, lớn từ năm thước trở lại ở phía Bắc chùa Linh khám tại huyện Hưng ninh thuộc Đông bắc Tuần châu vào đời Đường. Tuần châu nằm ở lưu vực sông Tuần. Đông Tây rộng hai trăm dặm, Nam Bắc rộng một trăm dặm. Phong quang chùa rất hưng thịnh. Gần đây phát hiện được một kho đồng có một lò và hơn một trăm cái mâm. Trên đó khắc rằng: “Tăng sĩ bắt gặp, sẽ được phước đức; người đời bắt gặp, sẽ bị tai ương.” Xưa đồn rằng: “Vào đời Tấn, có nhà sư người phương Bắc ẩn tu ở núi này. Một lần, vân du núi Đại hồng, đến chỗ Phật tích, gặp một động lớn đầy hoa quả xanh tươi, liền ở lại. Sơn thần hiện ra hăm dọa. Nhà sư giữ vững Chánh niệm bất động. Sơn thần bảo: “Chỗ này không thể ở yên, quỷ thần thường hay quấy phá.” Nhà sư nhìn núi đá phía trước, mây bay che kín mặt Trời, liền leo lên tham quan. Nhìn xuống dưới chân, bờ đá cheo leo, vực sâu thăm thẳm. Biết không thể vượt qua, đành trở về huyện Hưng ninh kể lại mọi chuyện. Đến đời Tống, có hai vị Tăng tiếp tục hành hương, không thành công, liền quyết chí tìm phương cách. Một vị chuyên tụng kinh Pháp-hoa, giữ gìn giới hạnh tinh tiến, hàng phục được quỷ thần, bắt phải hiện hình thọ giới cùng với gia quyến. Vị Tăng nhìn lên sườn núi trước mặt, có ánh sáng lạ thường. Phía dưới là vực sâu hun hút. Chỉ cách một trượng, vị Tăng bắt cây làm cầu bước sang, liền bắt gặp mười Phật tích trên đá, có màu sắc sống động như thịt người. Năm Trinh quan thứ ba, lại xuất hiện thêm một Phật tích. Tất cả đều phóng hào quang và có vòng tròn đầy đủ. Nay có ít nhiều người chiêm bái nên phải thiết lập khám thờ để giữ lấy niềm linh dị. Dò hỏi nguồn gốc của chùa, vốn do một vương gia đời Tống hiến vườn cây để lập nên. Hiện tại vẫn còn dấu tích ngôi chùa cổ ấy.

27. Lý Đại An, người Lũng tây đời Đường, là anh của thượng thư bộ công Đại Lượng. Giữa niên hiệu Vũ Đức, Đại Lượng làm tổng quản Việt châu. Từ kinh đô, Đại An đến thăm em. Đại Lượng sai mấy nô tỳ theo hầu. Về đến cầu Lộc ở Cốc châu, vào nghỉ tại nhà trọ. Trong đám nô tỳ có kẻ muốn giết Đại An, chờ đêm khuya ngủ say, lấy kiếm ngắn đâm xuyên cổ Đại An, cắm ngập xuống giường rồi bỏ trốn. Đại An

hoảng hồn thức giấc kêu cứu. Mấy nô tì còn lại muốn rút kiếm lên. Đại An bảo: “Nếu rút ra, ta sẽ chết mất! Trước tiên, hãy đưa giấy bút đến đây.” Vừa viết thư xong, quan huyện chạy đến, rút kiếm ra và băng bó vết thương. Đại An bèn tắt thở. Bỗng đâu như mộng, thấy một vật dài hơn thước, dày bốn, năm tấc, giống cục thịt heo, cách mặt đất chừng hai thước, xông đến trước giường bảo: “Mau trả thịt heo cho ta!” Đại An đáp: “Ta không ăn thịt heo, làm sao mắc nợ nhà người?” Liền nghe ngoài cửa có tiếng nói: “Lầm rồi!” Vật ấy lập tức bỏ đi. Đại An lại thấy trước sân có hồ nước trong trẻo đáng thích, bên bờ có tượng Phật cao chừng năm tấc. Giấy lát lớn dần, biến thành vị Tăng mặc áo cà-sa rất trang nghiêm, bảo Đại An: “Bị thương chẳng? Ta sẽ lấy ra dùm mọi đau đớn. Nhà người sẽ được bình phục trở về nhà tu hiền niệm Phật.” Rồi đưa tay xoa lên vết thương trên cổ của Đại An và bỏ đi. Đại An nhớ được hình dung, thấy rõ ràng sau lưng của vị Tăng có vương lụa hồng chừng 1 tấc đắp lên cà-sa. Liền đó, Đại An hồi tỉnh và sống lại. Vết thương cũng hết đau, có thể ngồi dậy ăn uống. Mười mấy hôm sau, con cháu đến rước về. Thân thích bạn bè kéo đến thăm hỏi. Đại An kể lại mọi chuyện. Có một nô tì đứng bên cạnh nghe xong, bèn nói: “Ngày ngài mới lên đường, phu nhân nhờ thợ tạo một pho tượng Phật. Xong xuôi, lấy thuốc màu vẽ áo. Có một chấm son giọt ố vai tượng. Phu nhân sai thợ tẩy đi, nhưng hấn chẳng chịu làm. Nay vẫn còn in trên tượng, đúng như lời ngài vừa kể. Đại An liền cùng phu nhân, thân thích đi chiêm bái tượng. Thật giống hệt trong mộng chẳng sai. Vết son đỏ rành rành là chỗ vá. Bèn vô cùng lấy làm lạ, biết rằng Chánh pháp có thật, nên càng Tăng thêm lòng tín mộ, thành kính phụng thờ và sống được trường thọ.

Từ khi Phật pháp truyền bá sang Trung Quốc, chuyện tượng Phật hiển linh cảm ứng rất nhiều, không thể đem ra kể hết. Nay chỉ lược thuật một số như trên (Chuyện này rút từ sách Minh-báo-ký).

28. Đời Đường, trong thành Vô chung ở huyện Ngư dương thuộc U châu có chừng một trăm nóc nhà dân. Tháng tư mùa Hạ năm Long sóc thứ hai, thành phát cháy. Gác canh và nhà dân đều bị thiêu rụi. Chỉ có hai Tinh xá, tháp Phật, trần màn bằng giấy bồi phía trên khám thờ và tượng Phật không bị bắt lửa, sừng sững vươn lên. Người đương thời xem thấy đều lấy làm lạ, cho rằng nhờ có Phật lực hộ trì. Trung sơn lang Dư Lĩnh đến đó trấn nhậm, được lang tướng Tề Quận vốn là thân hữu của anh mình là Dư Khánh, nhân đi sứ Doanh châu, đã tận mắt chứng kiến chuyện này, đem ra kể lại cho nghe.

29. Đời Đường, chùa Đồng tử ở phía Tây thành Kinh châu có pho

tượng Phật ngồi to lớn, cao hơn một trăm bảy mươi thước. Nhà vua vốn sùng Đạo, cuối niên hiệu Hiển Khánh, ngự giá đến Tinh châu, cùng hoàng hậu lên chùa rồi đến tham quan pho tượng lớn hai trăm thước tại cửa Khai hóa ở hang Bắc. Nhà vua thành kính hành lễ, tán thán linh tích hy hữu, cúng dường châu báu, tiền của, pháp phục. Các phi tần tháp tùng cũng đều quyên góp. Lại ban sắc cho trưởng quan ở đó là Đậu Quỹ gấp rút trang hoàng các Thánh tượng và mở rộng mặt trước khám thờ. Tháng bảy mùa thu năm Long sóc thứ hai, thị thần giao cho trung sứ hai bộ cà-sa mang lên cúng dường hai Thánh tượng. Ngày chùa Đồng tử làm lễ mặc áo cà-sa, tượng phóng hào quang ngũ sắc từ sáng đến chiều, chiếu diệu cả núi non, soi sáng khắp đất nước, chan hòa các tượng Phật nhỏ ở khám thờ phía Nam và làm rạng rỡ mọi điện đường. Đại chúng đi xem, đông đảo đến nghìn vạn. Dân chúng trong thành chứng kiến chuyện ấy, phát thành tâm hướng thiện, mười nhà hết bảy, tám nhà. Tất cả đều hay, chẳng cần phải nói rõ.

30. Đời Đường, chùa Thanh Thiện tại Trường An trước đây có một pho tượng Phật bằng vàng ròng cao một thước bốn tấc, nặng tám mươi lượng, do Tùy Văn đế đúc nên. Năm Trinh quan thứ mười bốn, tên cướp Tôn Đức Tín làm tở sắc giả, giao cho một tên thái giám mang đến chùa tuyên đọc, gạt lấy tượng. Tăng chúng nghe có mệnh vua, không dám trái lệnh, đành phải giao ra. Hôm sau, sự việc đổ bể, thân tượng đã bị nấu chảy, chỉ còn lại phần đầu. Vua Đường Thái tông giận dữ, xử bằng cực hình. Khi Đức Tín chưa bị hành hình, thân thể đã bị thối nát, mình đầy nhọt độc vỡ loét. Nhà chùa bỏ thêm vàng đúc lại tượng theo kiểu như xưa. (Ba chuyện trên đây rút từ sách Minh-báo và Thập-dị)

31. Niên hiệu Hiển Khánh thứ tư đời Đường Cao tông (659), vì bị hạn hán, thứ sử họ Tổ ở Phủ châu đã làm lễ cầu mưa nhưng không linh nghiệm. Có người thấy một pho tượng đi trên núi phía Đông. Không biết nguyên nhân, cùng rủ nhau kéo lên đời tượng. Tượng vẫn ù ù đứng yên không nhúc nhích. Tiếng đồn như gió, xa gần đều đổ lên xem. Có người ở Đàm châu bảo rằng: “Chùa ở đấy mất tượng, ai ngờ lại đến đây!” Xem lại hành trình, thấy có hai vết tích đều dài ba thước, cách nhau khoảng năm trăm dặm. Thứ sử thấy hạn hán đã lâu, liền đến khẩn cầu. Quan dân toàn châu đi bộ, mang hương hoa cúng dường dài suốt hai mươi dặm, khóc lóc kể lể sự tình rất chân thành rồi cử ba người đến bưng tượng. Tượng nhẹ nhàng theo tay về chùa. Dọc đường, mây giăng mờ mịn, đến chiều liền đổ mưa ào ào. Nhờ thế, mùa màng được sung túc. Tượng hiện tôn trí tại Phủ châu.

32. Niên hiệu Vĩnh huy đời Đường Cao tông (650-655), ở phía Đông Lam điền thuộc ung châu là chùa Ngô chân dựng trên sườn Lam cốc. Cảnh trí núi non tuyệt đẹp, đền điện trang nghiêm. Có một pho tượng đứng sừng sững tại phía Bắc chùa. Khi trùng tu tự viện, gặp tảng đá lớn nằm vắt ngang, gây nên trở ngại. Người ta lấy lửa đốt lên rồi tưới nước vào để vỡ ra, nhưng cũng không xong. Phải lấy dùi thép đục bể tảng đá, bất ngờ gặp một tượng Phật hoàn hảo tự nhiên, đủ cả vòng hào quang và tòa sen, cao chừng năm tấc. Không ai biết gốc gác từ đâu và thuộc loại bảo vật nào nữa. Cùng năm ấy, một đức Phật và hai vị Bồ-tát hiện ra trên đầu cột trên đầu cột ở điện Quang minh tại Ích châu. Dầu gọt bỏ những hình ảnh vẫn lộ rõ. Mớ đầu, cột này vẫn nằm ở Phật đường Cửu lũng, trưởng sử Trương Tự tập hợp nhiều người di chuyển về điện Quang minh. Hiện tại, cột ấy vẫn còn.

33. Đời Đường, tại khúc eo của sông Lễ ở huyện Hộ thuộc Ung châu có một pho tượng Phật bằng kim khí cao ba thước sáu tấc, kể luôn vòng hào quang cao đến bốn thước, để lộ tay phải, nghi dung hết sức uy nghiêm và thường phóng hào quang. Bần Tăng nghe tiếng, thường đến chiêm bái. Trên tòa sen có khắc rằng: “Đức tại chùa trong thành Trường An ngày mồng tám tháng tám năm Kiến nguyên thứ hai mươi đời Tần (384 vua Tần Phù Kiên). Nữ tín chủ Tuệ Thiều khẩn rằng: “May mắn gặp được Thánh tượng còn sót lại, bèn xuất tiền của đức nên. Như tấm lòng thành được cảm ứng, nguyện cầu mười phương đều hưởng phước lành.” Trước đây, khi hai Đạo bị tiêu diệt, tượng được chôn giấu trong vực nước xoáy La nhân tại sông Lễ. Có người đi ngang trên bờ nghe tiếng nói vọng lên từ vực xoáy va thấy hào quang phóng lên, liền bảo cho các bô lão trong làng cho người xuống sông đào lớp cát dưới vực, ngay chỗ phát hào quang, liền gặp tượng. Bấy giờ đang thời nhà Châu phá Đạo, phải đem giấu kỹ trong nhà, cùng nhau thờ phụng tại phòng riêng. Tượng thường phóng hào quang soi sáng. Hiện vẫn còn tại làng ấy.

34. Tháng hai mùa Xuân năm Long sóc thứ ba đời Đường, có tượng Phật bằng đá trên núi tại Thấm châu phóng hào quang. Trên lưng chừng sườn hang Trường cốc thuộc địa phận huyện Miên thượng nằm cách Thấm châu sáu mươi dặm về phía Bắc có khám thờ chư Phật đời quá khứ. Trong đó có ba pho tượng bằng đá: pho ở giữa thường phóng hào quang chiếu sáng khắp hang và núi rừng. Dân chúng lấy làm lạ, đem trình báo lên châu. Châu bèn tâu lên. Nhà vua sai Sa-môn chùa Từ Ân là Huyền Trí cùng sứ giả đến thăm tra, thấy hào quang như lửa chớp

không ngừng. Bấy giờ có đám mây bay đến hang, hào quang tạm thời vụt tắt. Khi đám mây bay đi, hào quang lại xuất hiện. Chứng kiến xong, liền phi báo về triều, nhà vua ra lệnh vẽ lại cảnh tượng ấy rồi tiếp tục kiểm tra. Hào quang lại chiếu diệu như trước suốt ba đêm. Tương truyền đến nay, hào quang vẫn còn. Cảnh sắc núi rừng ở đây thật xanh tươi. Phật tích trong các khám đá rất nhiều. Chẳng ai biết được gốc gác, chỉ thấy điềm linh xuất hiện dập dồn.

35. Chuyện chùa Pháp tự ở huyện Quách hạ thuộc Ích châu đời Đường vẽ tượng Bồ-tát Địa Tạng. Tượng gốc do Trương Tăng Diêu vẽ Bồ-tát ngồi buông chân trên Thiên sàng, cao chừng 8, chín tấc. Tháng bảy năm Tân đức thứ hai, Tăng đồ trong chùa vẽ lại một bức, liền phóng hào quang, khi ẩn khi hiện, giống như vòng vàng nhưng lớn bằng hào quang của tượng gốc. Lần lượt sao lại ba bức nữa, cũng đều phóng hào quang. Tháng tám năm ấy, nhà vua ban sắc tìm một bức đưa về cung thờ phụng. Hiện nay, khắp trong triều ngoài nội, những bức vẽ lại đem thờ cũng đều phóng hào quang như thế. Mới hay, Phật lực huyền diệu vô biên, không thể ngờ nổi (Tại nhà của bản Tăng cũng có một bức, không kể ra trên đây).

36. Năm Tân đức thứ hai đời Đường Cao tông (665) Sa-môn Tuệ Dục ở núi Tam học thuộc huyện Kim thủy tại Giản châu, nay được tạm thời trụ trì chùa Không tuệ thuộc huyện Quách hạ tại Ích châu. Năm trước, Sa-môn sang chùa Trường sa ở Kinh châu, thành tâm khẩn nguyện trước kim tượng thếp vàng, xin vẽ lại đem về thờ phụng. Tìm được họa sư tài hoa Trương Tịnh Nhãn, yêu cầu trai giới thanh tịnh xong, nhờ vẽ luôn 6 bức vẫn chưa thấy linh hiển. Đến bức thứ bảy, liền phóng hào quang ngũ sắc chiếu diệu khắp trong ngoài suốt 7 hôm mới tắt. Xa gần đều chứng kiến. Đại chúng kinh ngạc hoan hỷ không thể tả nổi. Sa-môn vội vàng mang các họa phẩm chưa kịp trau chuốt này đến Trường an, ý muốn nhờ vẽ thêm các Thánh Tăng đệ tử hầu cận và các phẩm vật cúng dường. Bấy giờ, tuân theo sắc lệnh của nhà vua, các họa sư tuyệt giỏi ở kinh thành đều tụ họp ở tòa trung thư, dưới sự giám sát của các quan học sĩ, cùng vẽ bốn mươi quyển tranh minh họa trong bộ Tây-quốc-chí gồm có sáu mươi quyển. Sa-môn Tuệ Dục cho rằng ở ngoài không có họa sư tài giỏi, nên vào đó nhờ họa sư Phạm Trường Thọ trang trí thêm tại nhà Đô đường. Đến canh ba đêm mồng bảy tháng sáu, họa phẩm đầu tiên phóng hào quang ngũ sắc chiếu sáng tận phía ngoài nhà Đô đường. Người bảo vệ nhân đi ra ngoài, thấy trên nhà sáng rực, cho là lửa cháy, hốt hoảng la vang. Trong nhà, mười vị quan trực

và hơn ba mươi binh sĩ đang ở trần nằm ngủ vì Trời quá nóng. Ánh hào quang chiếu sáng, ai nấy nhìn nhau, đều thấy rõ thân thể đỏ hồng, phải vội vàng mặc lấy y phục. Có một vị quan tên Thạch Hoài Tàng, vốn không tin Phật, chẳng thấy được hào quang, chỉ thấy thân thể toàn một màu đen đúa. Cứ thế, hào quang chiếu rọi đến sáng mai mới tắt. Sau khi hiểu rõ, Hoài Tàng ăn năn sám hối, nhưng cũng không thấy được hào quang chiếu sáng thân thể. Những quan viên binh sĩ thấy được hào quang đều phát nguyện trai giới. Riêng các quan viên, mỗi người đều vẽ một bức đem về nhà thờ phụng.

37. Năm Long sóc nguyên niên đời Đường (661), nhà vua ban sắc sai Sa-môn Hội Trách ở chùa Hội Xương lên tu bổ chùa chiền bảo tháp trên núi Ngũ đài tại huyện Ngũ đài thuộc Đại châu. Núi ấy gồm 5 ngọn, trong đó ngọn Trung đài cao nhất. Từ đỉnh của ngọn núi này, có thể nhìn xa nghìn dặm, nước non trong nhỏ bé như bàn tay. Đó đây la liệt mấy nghìn bảo tháp có tường lũy bằng gạch đá, do vua Cao tổ nhà Bắc Ngụy là Hiến Văn đế (471-475) dựng nên. Trên đá của ngọn Bắc đài, dấu chân người ngựa như núi mới in lên. Đỉnh núi là hồ lớn Thái hoa tuyền. Lại có thêm một dòng suối nhỏ uốn éo ngoằn ngoèo, hai bên bờ có hai ngôi chùa thờ tượng đức Bồ-tát Văn-thù. Xưa nói rằng ngài Văn-thù đến núi Thanh lương thuyết pháp cùng năm trăm vị tiên nhân. Kinh Hoa-nghiêm cũng nói ngài Văn-thù thuyết pháp trên núi Thanh lương. Thế nên núi này khí hậu rất lạnh, không có các loài cây tạp, chỉ có rừng thông chót vót phủ đầy khe núi. Phía Nam gọi là ngọn thanh lương, dấu tích xưa nay chưa mất. Từ ngọn này đi lần xuống ba mươi dặm về phía Đông nam chùa Linh thứu. Hai bên có hai Đạo trường hoạt động Phật sự đầy đủ. Các vị bô lão bảo do vua Hán Minh đế xây dựng. Phía Nam có hoa viên rộng chừng hai trăm mẫu, nở loài hoa lạ chiếu sáng một vùng, được cây cối bao quanh bốn phía. Từ đầu Xuân đến cuối Thu, hoa lạ này đua nhau nở rộ. Xưa nay nhiều người rất thích giống hoa này, đã bưng đem về trồng, nhưng không sống nổi. Thậm chí, trồng ở phía ngoài hoa viên cũng không sống nổi. Riêng trong hoa viên, hoa ấy tự nhiên sinh sôi. Phải chăng do thần uy của ngài Văn-thù thị hiện riêng một cảnh trí thần tiên như thế? Người có thành tâm đến đây sẽ gặp nhiều chùa chiền có các Thánh Tăng cư trụ. Hoặc giữa rừng không, hoặc bên bờ suối, hoặc ở chốn núi non hiểm trở, hoặc trong hang động thâm u. Hoặc bậc xuất trần, hoặc người thế tục. Vừa mới đi qua, nhưng tìm đến không thấy. Chùa chiền và các vị Thánh Tăng ấy biến hiện vô thường, không thể lường được.

Đầu năm Long sóc thứ hai, nhà vua lại sai Sa-môn Hội Trách sang Tinh châu tập họp quan viên tiên của đem tu bổ cổ tự. Sa-môn cùng phủ thừa Ngũ đài kéo theo hơn hai mươi người lên thẳng ngọn Trung đài. Xa xa, nhìn thấy pho tượng đá đứng cheo leo bên bờ vực, múa máy chân tay. Vừa đến nơi nhìn lại, chỉ là một tảng đá vuông vắn. Mọi người đâm ra buồn rầu, ân hận không có cơ duyên gặp gỡ chân thân. Khi sai thợ tu bổ hai tòa tháp và tượng đức Phổ Hiền, mọi người đang quay quần bên tháp, bỗng nghe đâu có tiếng chuông đổ liên hồi và mùi hương kỳ diệu xông lên ngào ngạt. Toàn thể đều cảm thấy hy hữu lạ lùng. Phái bộ lại lên ngọn Tây đài, thấy từ xa một vị Tăng cỡi ngựa đi tới. Tăng Trách và mọi người dừng lại đứng đợi bên đường rất lâu, nhưng chẳng thấy đến, bèn kéo nhau đến đón thì đã biến thành chổi cây, khiến lòng mọi người cứ ấm ức mãi. Thế thì, linh tượng cảm thông, thỉnh thoảng ẩn hiện; tiếng chuông hưởng ứng, liên tục thường nghe. Núi ấy vuông vức khoảng ba trăm dặm. Chân núi Đông nam liền với núi Bắc nhạc, chân núi Tây bắc là hồ Thiên Trì, chính giữa có núi Phật quang, núi Tiên hoa, tháp Vương tử, 6 ngôi cổ tự, động tôn trí chân thân của các Thiền sư Giải Thoát và Tăng Minh. Nhờ định lực hộ trì, trải qua mười năm vẫn không hủy hoại. Thật khó ước lượng uy lực của các thần Tăng!

Tháng 2 mùa Xuân năm Càn phong thứ hai (667) triều Đường Cao tông, luật sư Đạo Tuyên đang tu hành thanh tịnh ở chùa Tịnh nghiệp, bỗng có các vị Thiên nhân Vương Đương, Lục Huyền Sương, họ Lai và họ Phí giáng hạ hành lễ và đàm đạo cùng luật sư. Kiếp trước, Vương Đương là văn thần của Đông Ngô, kể lại luật sư nghe khi Thiền sư Khang Tăng Hội mới đến Kiến nghiệp, Ngô chúa chưa tin tưởng. Thiền sư bèn thị hiện điềm lành, Ngô chúa mới lập điện đường to lớn. Bấy giờ, thiên thần thổ địa đều thi triển uy linh. Trong hai mươi một ngày, thu được xá-lợi. Ngô chúa thân hành bưng bình đồng rót xuống mâm đồng. Xá-lợi vừa đựng, mâm đồng đã bị xé toang. Thậm chí, lửa thiêu chùy nện cũng không hề hấn. Các đại thần như Hám Trạch, Trương Dục được chư Thiên hỗ trợ, phát ra biện tài lưu loát. Thiên nhân họ Phí, giới hạnh thanh tịnh, chuyên trì Luật tạng. Vâng lời di giáo của đức Phật, gặp kẻ phá giới, thương xót cứu giúp. Gặp ai làm được một việc thiện, dù lỡ phạm vạ tội, cũng rộng lượng thứ tha. Thiên nhân kính tín giới luật, nghiên cứu sâu xa. Vì thế, những chỗ nghĩa lý uẩn súc, luật sư đem ra vấn nạn, đều được giải đáp tinh tường. Hơn nữa, những linh tích của Tam bảo ở Trung Quốc còn lại khá nhiều và đều được tôn thờ thành kính, nhưng đôi khi gốc gác lại bị thất lạc. Về điểm này, luật sư đã dò

hỏi các Thiên nhân và đều được trả lời tỉ mỉ. Sách Tam-bảo-cảm-thông-lục còn ghi lại những vấn nạn chính như sau:

- Luật sư hỏi Thiên nhân: “Tượng truyền từ xưa Bồ-tát Văn-thù thống lãnh năm trăm tiên nhân đến thuyết pháp tại núi Thanh lương. Trong kinh có nói rõ Văn-thù là vị Bồ-tát từ lâu đã ở thế giới Ta-bà. Ta-bà lại là tên gọi chung của Đại thiên thế giới. Như vậy, tại sao ngài chỉ trụ tại chỗ này? Đáp: “Văn-thù là vị thống tướng của chư Phật, thị hiện tùy duyên, biến hóa vô lượng. Thần uy thật ra, không thể nghĩ bàn. Chỉ nên đem lòng kính ngưỡng. Phần nhiều ngài đã giáng hạ ở núi Thanh lương tại Ngũ đài, hiện thuộc phía Bắc Đại châu.

- Từ ngày đời Đường dựng nước đến nay, cao Tăng Giải Thoát viên tịch đã hơn ba mươi năm, nhục thân trở thành kim cương bất hoại, tựa hồ đang nhập Định tận diệt. Lại có vị tiên nhân cũng nhập Định bất động đã lâu năm. Các cổ tự linh thiêng, Thánh Tăng Bồ-tát, tiên nhân, tiên hoa xuất hiện rất nhiều.

- Hỏi: “Về linh tượng ở Long quang thuộc vùng Giang nam, có người bảo do ngài La Thập mang sang, có người nói được lấy từ xứ Phù Nam. Sự thật như thế nào? Đáp: “Tượng ấy không phải do ngài La Thập mang sang. Chính là do Hiếu Vũ đế nhà Tống chinh phạt Phù Nam lấy được. Sau khi đức Phật nhập diệt khoảng ba trăm năm, Đại A-la-hán Ưu-bà-chất-na người Bắc Thiên-trúc vận dụng thần lực hỗ trợ cho thợ đá suốt ba trăm năm, tạc núi đá lớn trở thành Phật động. Từ trên xuống dưới gồm có năm tầng, cao hơn ba trăm thước. Mắt phàm chỉ thấy được tầng dưới, bốn tầng trên đóng kín. Đến năm thứ sáu trăm, A-la-hán Phật-nại-già vừa sinh ra thì mẹ mất, đầu thai vào nước Phù Nam. Nhớ ơn mẹ, ngài lên tầng cao lấy pho tượng bằng gỗ chiên-đàn để mẹ thờ phụng. Khi mẹ qua đời, thác sinh vào Dương châu, xuất gia ở chùa Tân hưng, chứng được Tam quả. Vua Hiếu đế chinh phạt Phù Nam, lấy được tượng này mang về. Trước đây, ngài Đàm-vô-kiệt trở về Ấn Độ, có chép sơ lược tượng này thành sách gồm năm quyển. Đã thế, tại sao bỗng đứng lại bảo rằng tượng này do ngài La Thập mang sang?”

- Nhân đó, luật sư hỏi rằng: “Tại sao kinh điển do ngài La Thập suốt đời phiên dịch được mọi người hâm mộ thọ trì?” Đáp: “Ngài ấy thông minh, hiểu rõ Đại thừa. Các dịch giả đương thời đều là những bậc anh tài lỗi lạc, hiếm có xưa nay, nhưng cũng chẳng sánh nổi cùng ngài. Những dịch phẩm của ngài lấy hiểu rõ làm hàng đầu và tỏ rõ Đại Ý gửi gắm lại của đức Phật.”

Lại hỏi thêm: “Thế tục thường bảo rằng ngài bị vua Diêu Hưng

đời Hậu Tần ép buộc phá đại giới, sao xứng đáng gọi là lãnh hội di ý của đức Phật?” Đáp: “Đây là điều kẻ phàm phu mê muội không thể ước đoán nổi, khỏi cần bàn đến. Đức hạnh của ngài La Thập ở vào bậc Tam hiền, vị Thông hóa. Cắt gọn đa đoan, vá đầy thiếu sót, tùy cơ sáng tạo. Thế nên, toàn bộ luận Đại-trí-độ, mười phần tóm lược đến chín. Phật lý hiểu sâu, xưa nay ít có. Lại nhờ Bồ-tát Văn-thù chỉ giáo, nên cách san định của ngài siêu việt lẽ lối thông thường. Lẽ nào vì lời đàm tiếu về chuyện lập phòng riêng, đến nỗi mất sạch công phu tuyệt thế?”

Lại hỏi: “Pho tượng bằng chiên-đàn ở chùa Đại Minh tại Kinh châu vốn do vua Ưu-điền sai chế tạo. Theo truyện nói, được sao chép lại và mang về vào đời Lương. Hiện tại ở kinh thành cũng có tượng này. Vậy đâu tượng gốc?” Đáp: “Ở chùa Đại minh là tượng gốc. Khi vua Cao tổ băng hà, tượng được đưa về Kinh châu. Nhà Châu tiêu diệt nhà Lương, thâu tóm các đồ quốc bảo. Có vị Tăng tên Trân Sư đem giấu tượng trong phòng, rồi lấy nhiều tiền của đút lót sứ giả. Nhờ thế, tượng mới được yên. Năm Khai hoàng thứ 9, Tùy Văn đế sai Liễu Cố Ngôn đến thỉnh tượng. Nhà chùa năn nỉ xin để tượng ở lại trấn giữ Kinh châu. Cố Ngôn là người đồng hương, nên cảm thông nghe lời, bày kế khắc lại pho tượng khác đem về dâng nạp. Người khắc là tu sĩ Bà-la-môn tên Chân Đạt. Tượng này hiện ở chùa Hưng Thiện tại Trường an, cũng rất linh hiển. Tượng gốc vẫn ở Kinh châu, nhà chùa lấy vãi tẩm sơn đắp lên để lại nguy trang, nên tượng mạo không còn giống như trước. Tượng vốn là kim thân của đức Phật mới giáng sinh bảy ngày, nay đắp thêm lớp vãi tẩm sơn, thành ra tượng mạo người lớn, khác hẳn nguyên bản. Chùa Đại Minh Nguyên là chỗ đức Phật đời quá khứ an trụ, do đó tượng không chịu di dời về phương Bắc. Gần đây, có pháp sư Nghĩa, người Trường sa, nhờ Thiên nhân Mặc khái, biết được cách bốc lớp vãi tẩm sơn. Do đó, chân thân mới được tái hiện, lộ rõ Thánh nhan, vốn do nguyên khối chiên đàn chế tạo, không chút chấp nối. Hào quang và tòa sen lại khác, do ngài voi chạm thành, tài tình tuyệt diệu chẳng giống tay phàm. Pho tượng ở chùa hưng thiện, sánh với tượng này, khác hẳn mười mười!”

Lại hỏi: “Các hình tượng được phát hiện ở Trung Quốc, tương truyền phần nhiều do công chúa thứ tư của vua A-dục đúc nên. Chuyện ấy đầy vẻ huyền hoặc khó tin. Sự thật như thế nào?” Đáp: “Đây là sự thật, chẳng có gì đáng nghi ngờ cả. Từ lâu, công chúa ấy buồn bực vì dung nhan xấu xí, chưa từng xuất hiện trước thần dân, bèn vẽ sắc tướng của đức Phật giống với chính mình và phát nguyện rằng: “Tướng hảo

của đức Phật khác hẳn người trần, làm sao giống với dung nhan của ta được?” Nhân đó, thành khẩn cầu nguyện suốt nhiều năm. Về sau, đức Phật hiện ra, giúp cho thay đổi dung nhan. Vua cha lấy làm lạ, hỏi rõ đầu đuôi. Công chúa mới tấu bày lại lời nguyện ước. Hiện nay, các pho tượng tại chùa Ngọc hoa ở Bắc Sơn, chùa trường sa ở Kinh châu, chùa Cao Khôi ở Dương đô và chùa Sùng kính ở kinh thành đều do công chúa đúc nên. Đôi khi có khắc, Phạm văn trên vòng hào quang hay tòa sen, người Trung Quốc ít kẻ đọc được. Đương thời, vua A-dục sai bọn quý thần đem các tượng ấy lưu hành để tùy duyên hóa độ. Xem lại, nét mặt các tượng ấy đều là người nữ. Địa điểm chùa Sùng kính xưa kia vốn là bãi chiến trường. Khi nhà Đông Tấn sắp mất, giặc Ngũ Hồ nổi lên, binh đao cùng tàn sát lẫn nhau. Chỗ này là nơi giao tranh ác liệt nhất. Hiện đào đất còn gặp xương người. Những kẻ bị giết oan nhiều vô số. Thế nên, bọn quý thần mới đem tượng đến đó trấn, yếm, khiến các oan hồn sinh ra thiện niệm. Nhà Châu phá Đạo, thần Thánh cũng bị đọa đày. Tùy Văn đế lên ngôi, Phật giáo lại được cơ hội hưng thịnh.”

Lại hỏi: “Chuyện u minh cảm ứng, trên đời thường gặp. Tuy nhiên, khi hồn đã thoát đi, thân xác sẽ thành thối nát. Làm sao có thể hoàn hồn trở lại, dù đã chết quá bảy ngày hay nhiều hơn nữa, nhưng thân xác vẫn y nguyên như lúc còn sống, không khác chút nào?” Đáp: “Người có bảy thức, mỗi thức đều có thần, do tâm thức làm chủ. Chủ tuy đi mất, nhưng các thần thức che chở vẫn còn. Chẳng có gì đáng lấy làm lạ. Như trong năm giới, mỗi giới có bảy thần, năm giới có tất cả hai mươi lăm thần. Phá một giới, năm thần thoát đi, các thần khác vẫn còn ở lại. Như đại Tăng thọ giới, mỗi giới có hai trăm năm mươi thần che chở. Nếu phá một đại giới, chỉ mất hai trăm năm mươi thần, những thần khác vẫn luôn luôn theo sát che chở đại Tăng.

Chú thích quyển 14:

- Nguyên văn nhan đề của chuyện mười tám này là “hành tượng”, tượng biết đi, nhưng nội dung nói chuyện tượng đổ nước mũi báo điềm chẳng lành. Nay theo đó, sửa lại tiêu đề cho phù hợp nội dung.

- Chuyện hai mươi bốn này chỉ có nhan đề, phần trình bày chuyện không thấy. Vì thế, trong phần ghi tiêu đề có ba mươi tám chuyện, nhưng phần thuật chỉ có ba mươi bảy chuyện

- Trong phần cuối quyển, đoạn nói về nhân duyên vấn đáp của luật sư Đạo Tuyên cùng các Thiên nhân, có tóm lược vài chỗ, vì thấy có thể không còn phù hợp với hiện đại.